

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Luận cứ khoa học về cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công ở Việt Nam trong tình hình mới. Mã số: ĐTĐL.XH-02/17.

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): ĐTĐL.XH-02/17.

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Luận cứ khoa học về cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công, mối quan hệ giữa cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công.

- Đánh giá thực trạng cơ cấu ngân sách nhà nước và quản lý nợ công ở Việt Nam.

- Đề xuất quan điểm, kiến nghị giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công ở Việt Nam trong tình hình mới.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Viết Lợi và TS. Nguyễn Minh Tân

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.200 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.200 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 12/2017

Kết thúc: 5/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*):

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	TS. Nguyễn Viết Lợi	Tiến sĩ	Viện Chiến lược và Chính sách

			tài chính
2	TS. Nguyễn Minh Tân	Tiến sĩ	Ủy ban TCNS Quốc hội
3	TS. Nguyễn Thị Hải Hà	Tiến sĩ	Vụ NSNN - Bộ Tài chính
4	ThS. Lê Thị Mai Liên	Thạc sĩ	Viện Chiến lược và Chính sách tài chính
5	TS. Lê Quang Thuận	Tiến sĩ	Viện Chiến lược và Chính sách tài chính
6	ThS. Bùi Phương Thảo	Thạc sĩ	Ủy ban TCNS Quốc hội
7	ThS. Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ	Ủy ban TCNS Quốc hội
8	TS. Bùi Nhật Tân	Tiến sĩ	Ủy ban TCNS Quốc hội
9	ThS. Võ Thành Hưng	Thạc sĩ	Vụ NSNN - Bộ Tài chính
10	ThS. Hoàng Hải	Thạc sĩ	Cục QL nợ- Bộ Tài chính

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
I	Về nội dung									
1	Công việc 1.1. Cơ sở lý luận về cơ cấu lại thu, chi NSNN		x			x			x	
2	Công việc 1.2. Cơ sở lý luận về cân đối NSNN, nợ công và quản lý nợ công		x			x			x	
3	Công việc 1.3. Mối quan hệ và tác động giữa cơ cấu ngân sách nhà nước với nợ công và quản lý nợ công		x			x			x	
4	Công việc 1.4. Điều kiện và sự cần thiết cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công		x			x			x	

5	Công việc 2.1. Kinh nghiệm các nước về cơ cấu thu và điều chỉnh cơ cấu thu NSNN nhằm đảm bảo an ninh tài chính công		x			x			x	
6	Công việc 2.2. Kinh nghiệm các nước về cơ cấu chi và điều chỉnh cơ cấu chi NSNN nhằm đảm bảo an ninh tài chính công		x			x			x	
7	Công việc 2.3. Kinh nghiệm các nước về cơ cấu nợ công, điều chỉnh cơ cấu nợ công và quản lý nợ công nhằm đảm bảo an ninh tài chính công, phát triển bền vững		x			x			x	
8	Công việc 2.4. Kinh nghiệm các nước trong xử lý bội chi NSNN		x			x			x	
9	Công việc 3.1. Nghiên cứu các vấn đề lý thuyết và thực nghiệm về mối quan hệ và tác động giữa cơ cấu lại thu NSNN với các biến số kinh tế vĩ mô		x			x			x	
10	Công việc 3.2. Nghiên cứu các vấn đề lý thuyết và thực nghiệm về		x			x			x	

	mối quan hệ và tác động giữa cơ cấu chi NSNN với các biến số kinh tế vĩ mô								
11	Công việc 3.3. Nghiên cứu các vấn đề lý thuyết và thực nghiệm về mối quan hệ và tác động về kết quả giữa cân đối NSNN, nợ công và các biến số kinh tế vĩ mô		x			x			x
12	Công việc 3.4. Tổng quan một số phương pháp đánh giá tác động, mô hình áp dụng trong đánh giá tác động giữa cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công và các biến số kinh tế vĩ mô		x			x			x
13	Công việc 4.1 Bối cảnh và các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ thu NSNN, cơ cấu thu NSNN		x			x			x
14	Công việc 4.2. Thực trạng cơ cấu thu NSNN trong giai đoạn 2006-2016		x			x			x
15	Công việc 5.1: Bối cảnh và các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ chi NSNN, cơ cấu		x			x			x

	chi NSNN								
16	Công việc 5.2: Thực trạng cơ cấu chi NSNN từ 2006 - 2016		x			x			x
17	Công việc 6.1: Bồi cảnh và các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước trong đảm bảo cân đối NSNN		x			x			x
18	Công việc 6.2: Thực trạng cân đối NSNN và nguồn bù đắp bội chi NSNN		x			x			x
19	Công việc 7.1: Bồi cảnh và các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về nợ công và quản lý nợ công		x			x			x
20	Công việc 7.2: Thực trạng nợ công và quản lý nợ công		x			x			x
21	Công việc 8.1: Lựa chọn mô hình và phương pháp đánh giá tác động		x			x			x
22	Công việc 8.2: Đánh giá tác động của cơ cấu NSNN, nợ công tới phát triển kinh tế - xã hội		x			x			x
23	Công việc 9.1. Dự báo bồi cảnh KTXH và tình hình trong thời gian tới		x			x			x
24	Công việc 9.2. Các quan điểm cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công trong thời gian tới		x			x			x
25	Công việc 9.3. Các phương án cơ		x			x			x

	cầu lại NSNN và quản lý nợ công trong mối quan hệ với các biến số kinh tế vĩ mô và dự kiến nhu cầu vay, trả nợ								
26	Công việc 9.4. Giải pháp nhằm đảm bảo cơ cấu NSNN, quản lý nợ công bền vững tại Việt Nam trong tình hình mới		x			x			x
27	Công việc 9.5. Các điều kiện thực hiện giải pháp nhằm đảm bảo cơ cấu NSNN, quản lý nợ công bền vững tại Việt Nam trong tình hình mới		x			x			x
II	Khảo sát								
1	Báo cáo khảo sát tại thành phố Hồ Chí Minh		x			x			x
2	Báo cáo khảo sát tại thành phố Huế		x			x			x
3	Báo cáo khảo sát tại thành phố Hà Nội		x			x			x
III	Hội thảo								
1	Kỳ yếu hội thảo tại thành phố Hồ Chí Minh		x			x			x
2	Kỳ yếu hội thảo tại Huế		x			x			x
3	Kỳ yếu hội thảo tại thành phố Hà Nội		x			x			x
IV	Tọa đàm								
	07 cuộc tọa đàm		x			x			x

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Sách chuyên khảo "Cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công ở Việt Nam: Thực trạng và Xu hướng"	2021	Các cơ quan quản lý nhà nước, các trường đại học, các viện nghiên cứu.	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Kinh nghiệm quốc tế về cơ cấu lại ngân sách và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam	Tháng 5/2019	Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia	TS. Lê Quang Thuận
2	Quan điểm, mục tiêu tài chính phục vụ chiến lược và tầm nhìn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 2021 - 2030	Tháng 9/2019	Diễn đàn Tài chính Việt Nam 2019 - Bộ Tài chính	TS. Nguyễn Viết Lợi
3	Xây dựng nền tài chính công lành mạnh và bền vững	Tháng 1/2020	Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia	TS. Lê Quang Thuận
4	Hệ thống tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước: Công cụ cơ cấu lại ngân sách hiệu quả và minh bạch	Tháng 1/2020	Tạp chí Tài chính	TS. Nguyễn Minh Tân

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

2.1. Trong lĩnh vực hoàn thiện chính sách, pháp luật:

Trên cơ sở thu thập đầy đủ thông tin, số liệu, dữ liệu, kết hợp tọa đàm, trao đổi với các chuyên gia, Đề tài đã đánh giá, phân tích và chỉ rõ 4 kết quả tích cực trong cơ cấu lại NSNN (cơ cấu lại thu NSNN; cơ cấu lại chi NSNN; Cơ cấu bội chi NSNN; Cơ cấu NSTW và NSDP) và 3 kết quả tích cực trong cơ cấu lại nợ công (Nợ chính phủ; nợ chính phủ bảo lãnh; nợ chính quyền địa phương).

Các kết quả nổi bật chỉ ra rằng trong 10 năm qua việc hoàn thiện thể chế đã được chú trọng. Đến nay, về cơ bản tất cả các vấn đề tài chính đã được điều chỉnh bằng Luật, có hiệu lực, hiệu quả cao trong việc thi hành, phù hợp với Hiến pháp. Bên cạnh đó, cũng đã phân tích nổi bật một số tồn tại về thể chế như tính ổn định chưa cao về pháp luật thuế, còn tình trạng ban hành chính sách không đúng quy định của pháp luật, vượt thẩm quyền, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế về phân loại nợ nước ngoài, nhiều chế tài xử lý vi phạm trong quy trình ngân sách chưa được quy định rõ, dẫn đến các sai phạm lặp lại khá phổ biến.

Đề tài đã chỉ rõ một số nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động đến việc hoàn thiện thể chế, trong đó, nhấn mạnh đến sự tác động ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế thế giới 2008, tình hình suy giảm tăng trưởng kinh tế, lạm phát cao trong nước, cơ cấu lại nền kinh tế, hội nhập sâu, rộng với kinh tế thế giới và những khó khăn còn cản trở trong nhận thức của các cơ quan quản lý

Nhà nước trong việc áp dụng các thông lệ tốt của quốc tế về minh bạch thông tin. Từ đó, đã đề xuất một số kiến nghị: tiếp tục hoàn thiện thể chế tài chính công theo cơ chế thị trường, đảm bảo phù hợp hơn theo quy định của Hiến pháp, phù hợp với các Điều ước quốc tế, cam kết hội nhập; minh bạch hơn, rõ ràng hơn trách nhiệm giải trình, áp dụng các thông lệ quản lý tốt của quốc tế và quy định rõ, cụ thể chế tài xử lý vi phạm pháp luật; thẩm quyền, phân cấp mạnh hơn cho chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng ngân sách, quản lý tài sản công; phân định rõ nhiệm vụ quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ công để xây dựng mô hình quản lý phù hợp với vai trò của Nhà nước.

2.2. Trong việc bảo đảm các cân đối lớn của nền tài chính quốc gia, an ninh tài chính quốc gia

Đề tài đã đánh giá tổng quan 10 năm, rút ra một số nhận xét, kết luận, trong đó nhấn mạnh: Về cơ bản, các cân đối thu, chi NSNN giai đoạn 2011 - 2020 được tăng cường, có xu hướng bền vững hơn vào một số năm cuối 2020; Cân đối thu NSNN giai đoạn 2016 - 2020 có tính bền vững hơn so với giai đoạn trước, cơ bản đáp ứng được nguồn vốn với nhu cầu cao của nhiệm vụ chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; Cân đối chi NSNN cho phát triển kinh tế - xã hội 5 năm cuối thời kỳ có chú trọng, tích cực hơn vì tỷ trọng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cao hơn so với 5 năm đầu thời kỳ này; Cân đối tích lũy, tiêu dùng có bước tiến bộ; bội chi, nợ công được quản lý chặt chẽ hơn, đã giảm, đảm bảo an toàn vào cuối thời kỳ 2011 - 2020. Đồng thời, cũng khẳng định rõ một số nguyên nhân, tác động ảnh hưởng đến các cân đối lớn về thu, chi NSNN qua các giai đoạn của thời kỳ này như: Thiếu các giải pháp động viên nguồn lực phù hợp, hiệu quả; Điều chỉnh giảm thuế suất một số sắc thuế sớm so với lộ trình; Một số chính sách thuế chậm nghiên cứu, ban hành; Thu NSNN để cân đối từ đất, tài nguyên có xu hướng tăng cao hơn vào những năm cuối thời kỳ thể hiện tính thiếu bền vững của NSNN; Tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng chưa thực chất; NSNN có xu hướng mở rộng một số nhiệm vụ chi thực hiện nghĩa vụ xã hội mang tính bao cấp cao, kéo dài.

Đề tài đã kiến nghị một số giải pháp để cân đối nền tài chính quốc gia bền vững hơn, thể hiện ở các phần về thu, chi, bội chi, quản lý nợ công, thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Trên cơ sở phấn đấu thực hiện mục tiêu chung về GDP đạt bình quân 6,5%/năm thời kỳ 2021 - 2030, trong giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu tỷ lệ thu từ GDP qua thuế, phí là 21 - 22%, thu nội địa đạt trên 85%, chi thường xuyên giảm còn 60%, chi đầu tư phát triển đạt 27 - 28%, bội chi 3,5%, nợ công không quá 63%. Trong giai đoạn 2025 - 2030, phấn đấu tỷ lệ động viên thuế, phí/GDP là 22%, trong đó, thu nội địa khoảng 85 - 90%, chi thường xuyên giảm còn 55%, chi đầu tư phát triển khoảng 28 - 29%, bội chi đến 2030 khoảng 3%, nợ công dưới 60%.

2.3. Trong công tác quản lý NSNN và nợ công

Trên cơ sở đánh giá, nêu bật các kết quả tích cực trong đổi mới cơ chế, chính sách quản lý tài chính công, tài sản công giai đoạn 2011-2020; đặc biệt là giai đoạn 2016 - 2020, Đề tài đã có kiến nghị một số giải pháp tiếp tục đổi mới trong giai đoạn 2021 - 2030 và 2021 - 2025, cụ thể như sau:

- Hoàn thiện cơ chế điều hành để thực hiện phối hợp đồng bộ hơn chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô.

- Cơ cấu lại chính sách thu, tăng tỷ trọng thuế trực thu, tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN; Cơ cấu lại nguồn thu, các khoản thu phân chia, đảm bảo thu NSNN giữ vai trò chủ đạo; Cơ bản áp dụng hóa đơn thu thuế điện tử.

- Cơ cấu lại chi NSNN theo dự toán được duyệt, tăng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên, kiểm soát chặt chẽ bội chi, tăng tỷ trọng vay trong nước để bù đắp bội chi, tăng tỷ trọng cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài, nghiên cứu áp dụng phân loại nợ nước ngoài theo thông lệ quốc tế.

- Kiểm soát việc tăng/giảm biên chế của các cơ quan Nhà nước trên cơ sở giao Quốc hội quyết định việc tăng, giảm gắn với việc quyết định phân bổ ngân sách cho việc thực hiện chính sách tiền lương. Nguồn chi trả tiền lương, thu nhập tăng thêm đối với công chức, viên chức, người lao động trong khu vực Nhà nước chủ yếu từ thuế, phí, không sử dụng các khoản thu từ đất đai để chi thường xuyên, chi lương mà dành cho tích lũy, chi đầu tư phát triển.

- Thực hiện phân bổ NSNN theo kết quả thực hiện nhiệm vụ (kết quả đầu ra) đối với các cơ quan quản lý Nhà nước theo lộ trình: giai đoạn 2021-2025 áp dụng thí điểm đối với một số lĩnh vực có tỷ lệ chi NSNN lớn; giai đoạn 2025-2030 áp dụng thống nhất đối với tất cả các lĩnh vực.

2.4. Về hiệu quả của nhiệm vụ/đề tài:

- Hiệu quả kinh tế: Các đề xuất, kiến nghị về giải pháp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách, pháp luật tài chính - ngân sách sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích, để việc động viên, cơ cấu lại nguồn thu, nhiệm vụ chi, sử dụng nguồn NSNN, nguồn lực của xã hội có hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch hơn.

- Hiệu quả xã hội: Kết quả nghiên cứu của là tài liệu tham khảo có giá trị cho các cơ quan nghiên cứu hoạch định chiến lược, chính sách, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo trong nước.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)



TS Nguyễn Việt Lợi và TS Nguyễn Minh Tân

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



Trương Bá Tuấn